TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ - ST
Ngày: 27-6-2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.

Ông Trịnh Sâm Châu.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 190/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2024/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mã Thị Tú A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ B, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Võ Hiệp S, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Tổ C, ấp C, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị Tú A1, anh S vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn chị Mã Thị Tú A trình bày:

Chị và anh Võ Hiệp S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 04 tháng 01 năm 2007. Việc kết hôn do chị và anh S đều tự nguyện. Nay chị Tú A1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Hiệp S. Nguyên nhân chị Tú A1 yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Chị và anh S đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Hiện chị Tú A1 xác định không còn tình cảm với anh S, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị Tú A1 khai chị và anh S có 01 người con chung tên Võ Kim N, sinh ngày 20/12/2006. Ly hôn, chị Tú A1 yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tú A1 khai không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Chị Tú A1 đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Võ Hiệp S vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Võ Hiệp S không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tú A1; Về con chung: Giao con chung là cháu Võ Kim N, sinh ngày 20/12/2006 cho chị Tú A1 tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Tú Anh n con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mã Thị Tú A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Võ Hiệp S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa và giấy triệu tập nhưng anh S vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Tú A1 và anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mã Thị Tú A và anh Võ Hiệp S xây dựng gia đình với nhau năm 2007, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 05 ngày 04 tháng 1 năm 2007 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập cho anh S biết để đến Tòa làm việc nhưng anh S đều vắng mặt không có lý do, do đó không có lời khai của anh S tại hồ sơ.

Chị Tú A1 khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh S với lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2007 đến nay không bàn bạc đoàn tụ được. Do đó, xác định chị Tú A1 và anh S đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tú A1, xử cho chị Tú A1 được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Tú A1 và anh S có 01 người con chung tên là Võ Kim N, sinh ngày 20/12/2006. Chị Tú A1 yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Kim N. Xét thời gian qua chị Tú A1 nuôi dưỡng con tốt, qua tham khảo ý kiến cháu Kim N cũng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị Tú A1. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Kim N cho chị Tú A1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

năm 2014. Chị Tú Anh n con không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Mã Thị Tú A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Mã Thị Tú A đối với anh Võ Hiệp S.

Xử cho chị Mã Thị Tú A được ly hôn với anh Võ Hiệp S.

Giao con chung là cháu Võ Kim N, sinh ngày 20/12/2006 cho chị Mã Thị Tú A trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Võ Hiệp S không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Tú A1 được quyền đến thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Chị Mã Thị Tú A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0015411 ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị Tú A1 đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Chị Tú A1 và anh S được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- UBND xã Tam An
(GCNKH số 05 ngày 04/01/2007) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Minh Thảo